

Số: 295 /BC-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Điều 59 Luật Đất đai năm 2024, Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024; Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”; Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Công văn số 4026/VPCP-NN ngày 09/5/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024; Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Kiểm kê đất đai năm 2024; Công văn số 2168/BNNMT-QLĐĐ ngày 19/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024; Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

PHẦN I KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ THỰC HIỆN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được thực hiện theo các Văn bản pháp lý sau:

- Luật Thống kê năm 2015;
- Luật Đất đai năm 2024;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng;

- Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Hải Phòng năm 2025;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

- Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024";

- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 và Khoản 2 Điều 3 Thông tư 23/2025/TT-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Công văn số 4026/VPCP-NN ngày 09/5/2025 của Văn phòng Chính Phủ, Công văn số 2168/BNNMT-QLĐĐ ngày 19/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tạm dừng kiểm kê cấp huyện;

- Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp.

II. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Hải Dương cũ (*Tây Hải Phòng*) trước khi sắp xếp sáp nhập có diện tích tự nhiên là 1.688,28km² (*đạt 47,67% tiêu chuẩn*), quy mô dân số 2.196.095 người (*đạt 156,86% tiêu chuẩn*); với 12 đơn vị hành chính cấp huyện (*02 thành phố, 01 thị xã và 09 huyện*), 207 đơn vị hành chính cấp xã (*151 xã, 46 phường, 10 thị trấn*). Tỉnh Hải Dương cũ nằm ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, là cửa ngõ kết nối thủ đô Hà Nội với cảng biển Hải Phòng và vùng Đông Bắc. Tỉnh Hải Dương cũ được định hướng phát triển thành tỉnh công nghiệp hiện đại, là trung tâm công nghiệp động lực của vùng đồng bằng sông Hồng, với quy mô nền kinh tế lớn trong cả nước.

Thành phố Hải Phòng cũ (*Đông Hải Phòng*) trước khi sắp xếp sáp nhập có diện tích tự nhiên 1.526,44km² (*đạt 101,76% tiêu chuẩn*), quy mô dân số 2.468.029 người (*đạt 246,80% tiêu chuẩn*); với 15 đơn vị hành chính cấp huyện (*01 thành phố, 08 quận và 06 huyện*), 167 đơn vị hành chính cấp xã (*81 xã, 79 phường và 07 thị trấn*). Hải Phòng là thành phố Cảng, đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia, cách

thủ đô Hà Nội khoảng 100km. Thành phố là một trong 03 cực quan trọng của tam giác tăng trưởng kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, nằm trên trục đường bộ quan trọng kết nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh: Hưng Yên, Hải Dương và Quảng Ninh, là động lực tăng trưởng của toàn bộ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Thành phố Hải Phòng được xác định là một trong những trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam, là trung tâm công nghiệp cảng biển và dịch vụ logistics quan trọng của cả nước, là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ của vùng.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, cùng với Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố, hiện nay thành phố Hải Phòng (mới) sau sắp xếp có tổng diện tích tự nhiên là 3.194,71km² (đạt tỷ lệ 212,98% tiêu chuẩn), quy mô dân số là 4.664,124 người (đạt tỷ lệ 466,41% tiêu chuẩn); có 114 đơn vị hành chính trực thuộc. Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp tại thành phố Hải Phòng hiện nay (*khâu đô thị Bắc Sông Cấm, phường Thủy Nguyên hiện nay*).

2. Tình hình về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

2.1. Phát triển kinh tế

Tháng 7/2025 là thời điểm đặc biệt, khi thành phố chính thức được sắp xếp từ hai tỉnh, thành phố và triển khai hoạt động bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời tập trung, nỗ lực triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định tình hình an ninh, chính trị, an toàn xã hội; giữ vững quyết tâm, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng của năm 2025.

Tình hình kinh tế - xã hội của thành phố trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm duy trì khá tốt. 07/09 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tháng 7 dự kiến đạt và vượt kịch bản tăng trưởng, bao gồm: Tổng thu ngân sách trên địa bàn; Kim ngạch xuất khẩu; Sản lượng hàng hóa thông qua cảng; Thu hút khách du lịch; Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia; Số doanh nghiệp đăng ký thành lập tăng mới; Số lượng căn nhà ở xã hội hoàn thành.

Đồng thời, thành phố đã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ đề ra trong Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố và các nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong Kế hoạch kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2025 của thành phố, trong đó đặc biệt đã hoàn thành các nội dung để trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 nhiều Nghị quyết quan trọng, tạo cơ sở cho việc triển khai các nhiệm vụ sau sắp xếp và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

Thành phố đã tổ chức thành công Kỳ họp lần thứ 3 của Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC (ABAC 3) và Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2025 bên lề kỳ họp; tạo dấu ấn, khẳng định vai trò, vị thế quốc tế, đồng thời là cơ hội chiến lược để quảng bá môi trường đầu tư, tiềm năng kinh tế của thành phố.



Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 15,24% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục duy trì tăng trưởng khá với mức tăng 16,23%. Tính chung 7 tháng đầu năm, chỉ số IIP ước tăng 14,35% so với cùng kỳ năm trước (Kế hoạch năm tăng 16,8%). Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 16,53%; Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,19% so với cùng kỳ năm trước; Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước giảm 9,10%; Ngành khai khoáng giảm 15,23%.

Một số ngành có tốc độ tăng IIP cao so với cùng kỳ bao gồm: Sản xuất phương tiện vận tải khác (+38,55%); Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+32,77%); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+28,36%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+26,66%); Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (+23,58%); Sản xuất xe có động cơ (+21,53%); Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (+20,06%); Sản xuất chế biến thực phẩm (+16,45%); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) (+13,2%); Sản xuất kim loại (+13,25%);....

Ngoài ra, trong 7 tháng đầu năm 2025, thành phố đã thành lập mới 10 Khu công nghiệp (trong đó có 08 Khu công nghiệp tại Đông Hải Phòng, 02 Khu công nghiệp tại Tây Hải Phòng) với tổng diện tích là 2.838 ha, nâng tổng số Khu công nghiệp đã thành lập của thành phố lên thành 42 Khu công nghiệp.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tính chung 7 tháng đầu năm ước đạt 99.241 tỷ đồng, tăng 14,68%. Tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 7 ước đạt 4,2 tỷ USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước; tính chung 7 tháng đầu năm ước đạt 27,1 tỷ USD triệu USD, tăng 6,69% so với cùng kỳ năm trước, đạt 54,5% kế hoạch năm.

Tổng kim ngạch nhập khẩu tính chung 7 tháng đầu năm ước đạt 21.920,83 triệu USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 52,72% kế hoạch năm. Sản lượng hàng hóa qua cảng tính chung 7 tháng ước đạt 103,295 triệu tấn, tăng 12,18%, bằng 48,5% kế hoạch năm.

2.2. Tình hình xã hội

a) Tình hình dân số và lao động

Dân số thành phố Hải Phòng (mới) ước năm 2025 là 4.138.570 người, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ước 2025 đạt 1.995.410 người.

Trong 7 tháng đầu năm, ước tổ chức 41 phiên giao dịch việc làm, thu hút 631 lượt doanh nghiệp tham gia tuyển dụng với nhu cầu tuyển dụng là 137.720 lượt lao động; cung lao động tại sàn được 84.575 lượt (đáp ứng 61,41% nhu cầu tuyển dụng). Đăng ký bảo hiểm thất nghiệp ước 15.274 người, giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 14.265 người với kinh phí là 413,36 tỷ đồng. Qua giải quyết chế độ thất nghiệp đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 21.957 người.

b) Giáo dục - đào tạo

Quy mô giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng được mở rộng, đa cấp học, đa lĩnh vực, tạo tiền đề đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong thành phố. Thành phố đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục; đồng thời, củng cố và hoàn thiện mạng lưới trường, lớp học theo quy hoạch; xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Tính đến tháng 7/2025, toàn thành phố có 76,98% số trường đạt chuẩn quốc gia.

Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Đổi tên 03 trường trung học phổ thông trùng tên sau sắp xếp để thuận lợi trong công tác quản lý. Triển khai tuyển dụng giáo viên THPT công lập theo Kế hoạch. Hoàn thiện hồ sơ xét thăng hạng, hạng II lên hạng I cho 14 giáo viên, hạng III lên hạng II cho 07 kế toán, hạng III lên hạng II cho 779 giáo viên THPT. Ban hành 04 tờ trình công bố 169 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giáo dục (gồm 115 thủ tục cấp tỉnh, 54 thủ tục cấp xã). Tổ chức chấm thi, công bố điểm Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026; Tổ chức coi thi, chấm thi, công bố điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025; Tổ chức các hoạt động hè năm 2025.

Chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học được giữ vững và nâng cao. Trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, Hải Phòng xếp thứ 6 toàn quốc về điểm trung bình các môn thi; Học sinh thành phố tham gia Giải Thể thao học sinh phổ thông toàn quốc, đạt 48 huy chương (14 Huy chương Vàng, 11 Huy chương Bạc, 23 Huy chương Đồng); Môn Điền kinh (Tây Hải Phòng) xếp hạng Nhì toàn quốc, môn Bơi (Đông Hải Phòng) xếp hạng Ba, tiếp tục khẳng định vị thế của thành phố trong công tác thể thao học đường.

c) Y tế

Thường xuyên cập nhật các thông tin về các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, mới nổi được ghi nhận gần đây, có nguy cơ xâm nhập vào nước ta để chủ động áp dụng các biện pháp giám sát, phối hợp với các đơn vị y tế khác xử lý ổ dịch không để bùng phát tại cộng đồng. Tăng cường công tác phòng chống các bệnh truyền nhiễm mùa Hè: Sởi, Sốt xuất huyết, Thủy Đậu, Tay - chân - miệng...

Thực hiện 36 lượt giám sát ca bệnh truyền nhiễm và huyết thanh tại các bệnh viện tuyến thành phố: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Bệnh viện Trẻ em, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế.

Thực hiện sàng lọc chủ động và đưa vào quản lý được 78.022 bệnh nhân THA (phát hiện mới trong kỳ báo cáo là 1.243 bệnh nhân), 48.337 bệnh nhân ĐTD (phát hiện mới trong kỳ báo cáo là 968 bệnh nhân), 3.731 người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản (phát hiện trong kỳ báo cáo 51 bệnh nhân), 11.349 người bệnh không lây nhiễm khác như ung thư, động kinh, tâm thần phân liệt... (phát hiện trong kỳ báo cáo 28 bệnh nhân) tại y tế cơ sở.



d) Văn hóa - thể thao

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại và các nhiệm vụ chính trị của Trung ương, của thành phố trong tháng 7: Kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ; Sự kiện hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, Kỳ họp thứ 3 của Hội đồng tư vấn kinh doanh APEC (ABAC 3); Chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng... Xây dựng kế hoạch tham gia Triển lãm thành tựu Đất nước nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh (02/9/1945 - 02/9/2025).

Chuẩn bị chu đáo các nội dung bảo vệ Hồ sơ đề cử Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc tại Kỳ họp lần thứ 47 của Ủy ban Di sản Thế giới tại Paris, Cộng hòa Pháp. Kết quả, ngày 12/7/2025, Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc đã chính thức được công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Đây là Di sản thế giới thứ 9 của Việt Nam được UNESCO công nhận và là di sản thứ 2 có tính liên vùng cùng với Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà.

Hoàn thiện hồ sơ khoa học, trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh di sản văn hoá phi vật thể quốc gia Tri thức dân gian Bánh đậu xanh Hải Dương. Hoàn thành công tác kiểm kê, phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Hải Dương cũ (Tây Hải Phòng). Triển khai công tác thi công các công trình di tích tu sửa cấp thiết năm 2025.

Trong tháng 7, Bảo tàng thành phố mở cửa đón 4.204 lượt khách tham quan; cập nhật, ghi chép 32 sự kiện lịch sử tiêu biểu của thành phố, sưu tầm 121 hình ảnh phục vụ công tác trưng bày và lưu kho bảo quản. Triển khai công tác nghiên cứu, xây dựng đề cương trưng bày chuyên đề nhân kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025). Xây dựng chương trình trải nghiệm mới tại Bảo tàng: Nghiên cứu nghề làm Bánh đậu xanh, để đưa vào hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong thời gian tới.

Đăng cai tổ chức giải Vô địch Cờ vua trẻ xuất sắc Quốc gia (ngày 18 - 28/7/2025). Chỉ đạo Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể thao cử các bộ môn thể thao tham gia thi đấu 132 giải trong nước và quốc tế, giành được 568 huy chương các loại. Đặc biệt, cử 01 vận động viên môn Taekwondo tham dự giải Vô địch đồng đội biểu diễn, Công phá thế giới tại Hàn Quốc, đạt 01 huy chương bạc; 5 huấn luyện viên, vận động viên tham dự giải Vô địch Cờ vua các nhóm tuổi trẻ Đông Nam Á tại Malaysia, đạt 2 huy chương vàng đồng đội, 01 huy chương bạc cá nhân.

PHẦN II TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Tình hình tổ chức thực hiện của địa phương

Thực hiện Luật Đất đai năm 2024, Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc kiểm kê đất đai năm 2024, Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT), Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT) việc triển khai thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 như sau:

1.1. Thời điểm trước ngày 30/6/2025

Để tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024, thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024, Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024; Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Trong quá trình triển khai thực hiện:

1.1.1. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) đã thực hiện các công việc sau:

a) Các Văn bản đề tổ chức triển khai thực hiện:

- Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 20/12/2024 thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Các Quyết định: Số 3162/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 về việc thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai năm 2024) và số 4600/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 về việc kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai năm 2024.

- Thông báo số 148/TB-BCĐ ngày 20/12/2024 của Trưởng Ban chỉ đạo Kiểm kê đất đai năm 2024 về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai năm 2024.

b) Công tác chỉ đạo và kiểm tra công việc

Ngày 21/12/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã phối hợp cùng Cục đăng ký và dữ liệu thông tin đất đai thuộc

Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tập huấn nghiệp vụ; phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến các ngành, các cấp và tuyên truyền về chủ trương, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 với khoảng 500 đại biểu tham gia dự.

Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch số 07/KH-SNNMT ngày 28/3/2025 về việc kiểm tra tiến độ thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 cấp huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng và thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai năm 2024 để giám sát, kiểm tra tiến độ thực hiện kiểm kê đất đai cấp huyện.

Đến ngày 16/4/2025, Đoàn kiểm tra đã hoàn thiện cơ bản việc kiểm tra tiến độ thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 đối với 14/15 quận, huyện, và tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường ký thông báo số 130/TB-SNNMT ngày 24/4/2025 thông báo kết quả kiểm tra việc thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 tại cấp huyện, đồng thời đề nghị các địa phương tập trung lực lượng tăng cường về các xã, phường, thị trấn để đôn đốc cấp xã, các đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ thực hiện kiểm kê, giám sát, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện sản phẩm kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở cấp xã, để đảm bảo thời gian kiểm kê cấp huyện, thành phố theo yêu cầu.

Thực hiện Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số 5820/VP-ĐC2 ngày 07/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 4017/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 16/7/2025 hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu sử dụng đường địa giới hành chính tạm thời do Sở Nội vụ tại Công văn 4313/SNV-XDCQ&CTTN ngày 08/7/2025 cung cấp để thực hiện tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã sau sáp nhập.

1.1.2 Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) đã thực hiện các công việc sau:

+ Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương về công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 như:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiểm kê đất đai chuyên đề năm 2024 theo Kế hoạch số 3245/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 30/8/2024;

- Ban hành dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 theo Công văn số 3410/UBND-VP ngày 13/9/2024;

- Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường theo Công văn số 3810/UBND-VP ngày 17/10/2024;

- Văn bản số 2345/UBND-VP ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiểm kê đất đai chuyên đề năm 2024;

+ Phối hợp với Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trong việc thực hiện rà soát, kiểm kê đất an ninh, quốc phòng của các đơn vị đóng quân trên địa bàn tỉnh;

+ Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề ở địa phương về đất của các công ty nông, lâm trường có nguồn gốc từ nông, lâm trường, đất khu vực sạt lở, bồi đắp;

+ Đôn đốc các địa phương thực hiện và giao nộp sản phẩm kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã trước khi sắp xếp đơn vị hành chính mới đúng thời gian quy định;

(Chi tiết có các văn bản tại biểu đính kèm)

1.2. Thời điểm sau ngày 01/7/2025

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 5820/VP-ĐC2 ngày 07/7/2025 về việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 4017/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 16/7/2025 hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu sử dụng đường địa giới hành chính tạm thời do Sở Nội vụ cung cấp theo Công văn 4313/SNV-XDCQ&CTTN ngày 08/7/2025 để thực hiện tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã sau sáp nhập;

Ngày 06/8/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 4934/SNNMT-VPĐKĐĐ đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã khẩn trương giao nộp sản phẩm theo quy định. Đến hết ngày 07/8/2025, đã có 114/114 xã, phường, đặc khu giao nộp sản phẩm số liệu kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thành việc tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 và có Công văn số 5043/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 08/8/2025 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ký dự thảo Báo cáo kết quả kiểm kê và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Hải Phòng gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Về phương án hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng

Tỉnh Hải Dương có diện tích tự nhiên là 1.688,28km² (đạt 47,67% tiêu chuẩn), quy mô dân số 2.196.095 người (đạt 156,86% tiêu chuẩn); với 12 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 01 thị xã và 09 huyện), 207 đơn vị hành chính cấp xã (151 xã, 46 phường, 10 thị trấn). Tỉnh Hải Dương cũ nằm ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng

R

- Quảng Ninh, là cửa ngõ kết nối thủ đô Hà Nội với cảng biển Hải Phòng và vùng Đông Bắc. Tỉnh Hải Dương cũ được định hướng phát triển thành tỉnh công nghiệp hiện đại, là trung tâm công nghiệp động lực của vùng đồng bằng sông Hồng, với quy mô nền kinh tế lớn trong cả nước.

Thành phố Hải Phòng có diện tích tự nhiên 1.526,44km² (đạt 101,76% tiêu chuẩn), quy mô dân số 2.468.029 người (đạt 246,80% tiêu chuẩn); với 15 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 08 quận và 06 huyện), 167 đơn vị hành chính cấp xã (81 xã, 79 phường và 07 thị trấn). Hải Phòng là thành phố Cảng, đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 100km. Thành phố là một trong 03 cực quan trọng của tam giác tăng trưởng kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, nằm trên trục đường bộ quan trọng kết nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh: Hưng Yên, Hải Dương và Quảng Ninh, là động lực tăng trưởng của toàn bộ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Thành phố Hải Phòng được xác định là một trong những trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam, là trung tâm công nghiệp cảng biển và dịch vụ logistics quan trọng của cả nước, là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ của vùng.

Như vậy, Hải Dương và Hải Phòng có vị trí địa lý liền kề, đều nằm ở khu vực đồng bằng sông Hồng, có địa hình chủ yếu là đồng bằng thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và giao thông. Cả hai tỉnh, thành phố đều có nền văn hóa dân gian phong phú, đặc biệt là hệ thống hát chèo, hát ca trù. Về kinh tế, cả 2 tỉnh, thành phố đều có cơ cấu kinh tế tương đồng với tỷ lệ ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt trên 74%; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 63 triệu đồng/năm, có hệ thống hạ tầng giao thông, khoa học, công nghệ kết nối thuận lợi để mở rộng không gian phát triển của thành phố mới sau khi sáp nhập.

Thành phố Hải Phòng sau sáp xếp có diện tích tự nhiên là 3.194,71km² (đạt tỷ lệ 212,98%), quy mô dân số là 4.664,124 người (đạt tỷ lệ 466,41%); có 114 đơn vị hành chính trực thuộc. Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính hình thành sau sáp xếp tại thành phố Hải Phòng hiện nay (khu đô thị Bắc Sông Cấm, thành phố Thủy Nguyên hiện nay).

2. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

- Thành phố Hải Phòng đã xây dựng 50 phương án sắp xếp 167 đơn vị hành chính cấp xã để hình thành 50 đơn vị hành chính cấp xã mới (24 xã, 24 phường và 02 đặc khu), giảm 117 đơn vị hành chính (đạt tỷ lệ 70%).

- Tỉnh Hải Dương cũng đã xây dựng 64 phương án sắp xếp 207 đơn vị hành chính cấp xã để hình thành 64 đơn vị hành chính cấp xã mới, giảm 143 đơn vị hành chính (đạt tỷ lệ 69,08%).

- Thực hiện theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã

của Thành phố Hải Phòng năm 2025, thành phố Hải Phòng mới có tổng số 114 đơn vị hành chính cấp xã (*trong đó có 45 phường, 67 xã và 02 đặc khu*).

Theo phương án sáp nhập, sắp đơn vị hành chính cấp xã, hiện thành phố Hải Phòng có 60 đơn vị hành chính cấp xã/114 đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sáp xếp một hoặc nhiều phần của các ĐVHC cấp xã cũ.

3. Về đường địa giới hành chính

3.1. Về quy định lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp

Việc lập hồ sơ địa giới đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp được thực hiện theo Thông tư số 11/2024/TT-BNV ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC.

Đây là nhiệm vụ có tính chất kỹ thuật cao, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và quy trình chuyên môn do Bộ Nội vụ hướng dẫn. Công tác này cần sự phối hợp đồng bộ giữa nhiều cấp, nhiều ngành, đồng thời yêu cầu thời gian chuẩn bị đầy đủ để tổ chức khảo sát thực địa, xử lý hồ sơ, tài liệu và hoàn thiện các thủ tục liên quan. Với khối lượng công việc lớn, phạm vi thực hiện rộng trên toàn địa bàn thành phố Hải Phòng (mới) đòi hỏi có thời gian nhất định để hoàn thiện hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp của thành phố Hải Phòng.

Mặt khác, ngày 23/6/2025 Bộ Nội vụ có Văn bản số 618/BNV-CQĐP về việc tạm dừng thực hiện một số nhiệm vụ, công việc liên quan đến ĐVHC các cấp, trong đó có nội dung “*tạm dừng thẩm định, nghiệm thu hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp (Dự án 513) và lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025*”; đến nay Bộ Nội vụ chưa có văn bản hướng dẫn tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

3.2. Về đề xuất phương án cung cấp địa giới ĐVHC các cấp của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp ĐVHC để phục vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Thực hiện Mục 1 Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, theo đó đề nghị “*Hoàn thiện hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh (tỉnh, thành phố) sau khi thực hiện sắp xếp địa giới đơn vị hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội về việc thành lập tỉnh, thành phố và địa giới đơn vị hành chính của cấp xã (xã, phường, đặc khu) theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố để phục vụ tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Kết quả địa giới đơn vị hành chính của cấp xã và cấp tỉnh sau khi xác định gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 7 năm 2025*”, Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng đã đề xuất phương án cung cấp thông tin địa giới ĐVHC các cấp của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp ĐVHC, cụ thể như sau:

B

- Đối với địa giới ĐVHC cấp tỉnh: Do thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương (cũ) được hợp nhất trên cơ sở nguyên trạng, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường sử dụng địa giới được xác định theo hồ sơ ĐGHC được lập theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ đối với hai địa phương¹.

- Đối với địa giới ĐVHC cấp xã:

+ Trường hợp các ĐVHC mới được hình thành trên cơ sở nhập nguyên trạng từ các ĐVHC cấp xã cũ: Thực hiện tương tự như địa giới ĐVHC cấp tỉnh, theo đó ranh giới được xác định theo hồ sơ ĐGHC được lập theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ đối với hai địa phương.

+ Trường hợp các ĐVHC mới được thành lập trên cơ sở sắp xếp một hoặc nhiều phần của các ĐVHC cấp xã cũ: Trước mắt sử dụng bản đồ phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã tại Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của thành phố Hải Phòng (bao gồm cả tỉnh Hải Dương cũ) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất thông qua, trong đó ranh giới (tạm thời) được xác định chạy giữa các địa hình, địa vật như đường giao thông, sông, mương ... sau khi có hướng dẫn tiếp theo của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ sẽ triển khai việc lập hồ sơ địa giới ĐVHC các cấp của thành phố theo quy định để cung cấp bổ sung theo yêu cầu.

Trên cơ sở nền bản đồ phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã do Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng cung cấp, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng cùng các địa phương sử dụng để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Nguồn tài liệu phục vụ kiểm kê đất đai và đánh giá độ tin cậy

1.1. Nguồn tài liệu phục vụ kiểm kê đất đai

- Sản phẩm kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 và năm 2019.

- Bộ sản phẩm bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính mới được Bộ Nội vụ công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của thành phố Hải Phòng đã được hoàn thiện, hiện đại hoá theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bản đồ phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã tại Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của thành phố Hải Phòng (bao gồm cả tỉnh Hải Dương cũ) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV thống nhất thông qua theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Hải Phòng năm 2025;



¹ Đối với thành phố Hải Phòng (cũ) tại Quyết định số 762/QĐ-BNV ngày 26/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và đối với tỉnh Hải Dương (cũ) tại Quyết định số 40/QĐ-BNV ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Các nguồn tài liệu khác: cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ đăng ký biến động đất đai, hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyên mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các hồ sơ khác có liên quan.

1.2. Đánh giá độ tin cậy của nguồn tài liệu phục vụ kiểm kê đất đai

Tài liệu cần thiết để phục vụ cho công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố được thu thập đầy đủ theo tinh thần Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 ở cấp xã được thực hiện đầy đủ về số lượng quy định, đủ điều kiện để tiến hành tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố.

Các tài liệu về quy hoạch sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận và các số liệu thống kê khác thu thập tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng được các yêu cầu của nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố.

2. Lực lượng thực hiện kiểm kê

Hải Phòng chịu sự tác động khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại thành phố Hải Phòng được thực hiện đồng thời với quá trình hợp nhất địa giới hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội (trong đó có nội dung về hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng) và Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng. Việc chuyển đổi mô hình cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị hành chính mới. Việc thay đổi mô hình đòi hỏi phải phân công lại nhiệm vụ, xác định rõ vị trí việc làm, điều chỉnh thẩm quyền, cơ chế phối hợp giữa các cấp. Do đó công tác nhân sự các cấp có sự thay đổi không nhỏ, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện kiểm kê cấp xã sau khi chuyển sang mô hình 2 cấp.

Ngoài ra, trình độ chuyên môn của cán bộ cấp xã và công chức địa chính cấp xã trong kỳ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 không đồng đều, một số xã gặp nhiều khó khăn về tổ chức, chuyên môn và trang thiết bị chuyên dùng không đủ để thực hiện các tác nghiệp chuyên môn nên công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê đơn vị tư vấn thực hiện dự án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố.



3. Phương pháp thực hiện kiểm kê

3.1. Phương pháp điều tra, khoanh vẽ

Thành phố Hải Phòng sử dụng bản đồ địa chính hiện đang quản lý, sử dụng để thực hiện điều tra, khoanh vẽ tại thực địa, theo các nội dung sau:

- Xác định các khoanh đất theo loại đất, mục đích sử dụng; đối tượng sử dụng, quản lý; tình trạng pháp lý.

- Chính lý, cập nhật các thay đổi tại thực địa về loại đất, đối tượng sử dụng, quản lý lên bản đồ điều tra; khoanh vẽ, chỉnh lý ranh giới khoanh đất, khoanh vẽ chỉnh lý, bổ sung các yếu tố địa lý như giao thông, thủy lợi, ... tại thực địa.

- Chuyển vẽ kết quả điều tra, khoanh vẽ thực địa nêu trên lên bản đồ địa chính dạng số. Sau đó tích hợp, tiếp biên, biên tập thành bản đồ kết quả điều tra kiểm kê; đóng vùng các khoanh đất, tính diện tích.

Về đánh giá độ tin cậy số liệu kết quả điều tra, khoanh vẽ: sau khi hoàn thành công tác điều tra, khoanh vẽ, sản phẩm này được đơn vị kiểm tra kết hợp với công chức địa chính cấp xã, Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Kinh tế hoặc kinh tế, hạ tầng và đô thị cấp xã tiến hành kiểm tra, thẩm định và giám sát kết quả sản phẩm công đoạn điều tra, khoanh vẽ thực địa đảm bảo chất lượng, đầy đủ thông tin và chính xác để phục vụ việc tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai.

3.2. Phương pháp lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp thành phố được thành lập trên mặt phẳng chiếu hình, múi chiếu 30 có hệ số điều chỉnh tỷ lệ biến dạng chiều dài $k_0 = 0,9999$, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$.

- Khung bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thành lập ở tỷ lệ 1/50.000, kích thước ô lưới kinh tuyến, vĩ tuyến của bản đồ là $10' \times 10'$.

- Các thông số của file chuẩn của bản đồ hiện trạng sử dụng đất như sau:

+ Hệ tọa độ bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

+ Đơn vị làm việc (Working Units) gồm đơn vị làm việc chính (Master Units) là mét (m); đơn vị làm việc phụ (Sub Units) là milimét (mm); độ phân giải (Resolution) là 1000.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp thành phố được lập trên cơ sở tích hợp, tiếp biên, tổng hợp, khái quát hóa nội dung từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện.

- Các khoanh đất của bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp thành phố thể hiện theo các chỉ tiêu tổng hợp quy định tại Điều 16 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 và Khoản 2 Điều 3 Thông tư 23/2025/TT-BNNMT ngày 01/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Sử dụng phần mềm Microstation, Famis, ArcGIS 10, ... để tiến hành biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp thành phố (dạng số).

3.3. Phương pháp tổng hợp số liệu kiểm kê

Đối với cấp xã sử dụng công cụ hỗ trợ TKKK24 do Cục Quản lý đất đai cung cấp để tổng hợp số liệu, sau đó đăng tải lên trang Web:TK.gdla.gov.vn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Ngoài ra, trong quá trình tổng hợp số liệu cũng sử dụng những công cụ hỗ trợ của bộ phần mềm Microsoft Office.

Số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện và thành phố Hải Phòng được tổng hợp từ số liệu kiểm kê đất đai của cấp xã bằng phần mềm thống nhất (phần mềm TKKK24) do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

3.4. Xác nhận biểu kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Biểu kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 thực hiện hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 3947/BNNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2025.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

4.1. Các nguồn tài liệu.

- + Bản đồ địa giới hành chính thực hiện theo Nghị quyết số 513;
- + Bản đồ địa chính chính quy các loại tỷ lệ 1/1000; 1/2000;
- + Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, năm 2019;
- + Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020;
- + Bản đồ quy hoạch xây dựng đô thị, bản đồ quy hoạch nông thôn mới;
- + Bản đồ, trích lục kèm theo các quyết định giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng của các cơ quan có thẩm quyền;
- + Các bản đồ chuyên đề có liên quan.

4.2. Phương pháp xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp xã được thành lập bằng công nghệ bản đồ số, dùng phần mềm MicroStation, biên tập đồng thời hiệu chỉnh, bổ sung các yếu tố trên thực địa. Phương pháp này được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Thu thập, đánh giá và chuẩn bị tài liệu bản đồ;

Bước 2: Thiết kế thư mục lưu trữ bản đồ;

Bước 3: Phân lớp các đối tượng nội dung và xây dựng thư viện ký hiệu bản đồ;

Bước 4: Xác định cơ sở toán học cho bản đồ;

Bước 5: Điều tra, khoanh vẽ, chỉnh lý, bổ sung và chuyển vẽ kết quả các yếu tố nội dung hiện trạng sử dụng đất lên bản đồ khoanh đất và lên bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Bước 6: Số hoá và làm sạch các dữ liệu;
- Bước 7: Trình bày, biên tập bản đồ;
- Bước 8: In bản đồ, kiểm tra, chỉnh sửa và hoàn thiện bản đồ;
- Bước 9: Nghiệm thu bản đồ trên máy tính;
- Bước 10: In bản đồ ra giấy;
- Bước 11: Ghi dữ liệu bản đồ vào đĩa CD;
- Bước 12: Nghiệm thu bản đồ trên đĩa CD và bản đồ giấy;
- Bước 13: Viết báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Bước 14: Đóng gói và giao nộp sản phẩm.

PHẦN III

KẾT QUẢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2024

I. Kết quả thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ)

1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

1.1. Hiện trạng các loại đất sử dụng

1.1.1. Nhóm đất nông nghiệp

Năm 2024, thành phố Hải Phòng (cũ) có 80.117 ha thuộc nhóm đất nông nghiệp, chiếm 44 % diện tích nhóm đất nông nghiệp của toàn thành phố. Chi tiết các loại đất nông nghiệp như sau:

a) *Đất trồng cây hàng năm*: 42.138 ha, chiếm 23% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 41% diện tích đất trồng cây hàng năm của toàn thành phố. Trong đó:

- *Đất trồng lúa*: 39.287 ha, chiếm 21% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 38% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm toàn thành phố. Chi tiết diện tích các loại đất lúa như sau:

+ Đất chuyên trồng lúa 37.916 ha, chiếm 21% diện tích nhóm đất nông nghiệp của toàn thành phố.

+ Đất trồng lúa còn lại 1.371 ha, chiếm 0,7% diện tích nhóm đất nông nghiệp của toàn thành phố.

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: 2.851 ha, chiếm 2% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 2,8% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm toàn thành phố. Cây trồng chủ yếu của loại đất này là cây hoa màu các loại phân bố chủ yếu ở các xã ngoại thành thành phố.

b) *Đất trồng cây lâu năm*: 5.645 ha, chiếm 32% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 22% diện tích đất trồng cây lâu năm của toàn thành phố. Cây trồng chủ yếu là cây ăn quả lâu năm, vườn tạp được phân bố chủ yếu ở các xã ngoại thành thành phố.

c) *Đất lâm nghiệp*: 18.646 ha, chiếm 10% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 67% diện tích đất lâm nghiệp của toàn thành phố. Đất lâm nghiệp hiện nay trên địa bàn thành phố tập trung chủ yếu ở đặc khu Cát Hải, phường Thủy Nguyên..... Diện tích các loại đất lâm nghiệp như sau:

- Đất rừng đặc dụng: 8.475 ha, chiếm 31% diện tích đất lâm nghiệp của toàn thành phố.

- Đất rừng phòng hộ: 9.356 ha, chiếm 34% diện tích đất lâm nghiệp của toàn thành phố.

- Đất rừng sản xuất: 814 ha, chiếm 3% diện tích đất lâm nghiệp của toàn thành phố.

d) *Đất nuôi trồng thủy sản*: 12.523 ha, chiếm 7% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 51% diện tích đất nuôi trồng thủy sản của toàn thành phố; phân bố ở phường Thủy Nguyên, xã Tiên Lãng, đặc khu Cát Hải, xã Vĩnh Bảo,.....

đ) *Đất chăn nuôi tập trung*: 129 ha, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong nhóm đất nông nghiệp (khoảng 0,07 %) và chiếm 58% diện tích đất chăn nuôi tập trung của toàn thành phố.

e) *Đất làm muối*: 102 ha, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong nhóm đất nông nghiệp (khoảng 0,06%) phân bố ở đặc khu Cát Hải, phường Nam Đồ Sơn.

g) *Đất nông nghiệp khác*: 934 ha, chiếm 0,5% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 68% diện tích đất nông nghiệp khác của toàn thành phố;.

1.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Năm 2024, thành phố Hải Phòng có 66.200 ha đất thuộc nhóm phi nông nghiệp, chiếm 51 % diện tích nhóm đất phi nông nghiệp của toàn thành phố. Chi tiết các loại đất phi nông nghiệp như sau:

a) *Đất ở*: 16.296 ha, chiếm 13% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 48% tổng diện tích đất ở của toàn thành phố. Cụ thể

- Đất ở tại nông thôn 10.181 ha, chiếm 30% diện tích đất ở của toàn thành phố và 45% diện tích đất ở nông thôn của toàn thành phố.

- Đất ở tại đô thị 6.115 ha, chiếm 18% diện tích đất ở của toàn thành phố và 52% diện tích đất ở đô thị của toàn thành phố.

b) *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: 206 ha, chiếm 0,2% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 43% tổng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của toàn thành phố.

P

c) *Đất quốc phòng, an ninh*: 2.317 ha, chiếm 2% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 72% tổng diện tích đất quốc phòng, an ninh của toàn thành phố. Trong đó:

+ Đất quốc phòng: 2.167 ha, chiếm 76% diện tích đất quốc phòng, an ninh toàn thành phố.

+ Đất an ninh: 150 ha, chiếm 5% diện tích đất quốc phòng, an ninh toàn thành phố.

d) *Đất xây dựng công trình sự nghiệp*: 1.897 ha, chiếm 1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 50% tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của toàn thành phố.

đ) *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: 12.695 ha, bằng 10% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 63% tổng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của toàn thành phố.

e) *Đất sử dụng vào mục đích công cộng*: 20.142 ha, bằng 16% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 46% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của toàn thành phố.

g) *Đất tôn giáo*: 319 ha, bằng 0,2% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 48% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích tôn giáo của toàn thành phố.

h) *Đất tín ngưỡng*: 173 ha chiếm 0,1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 57% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích tín ngưỡng của toàn thành phố.

i) *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt*: 1.311 ha, chiếm 1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 45% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt của toàn thành phố.

k) *Đất có mặt nước chuyên dùng*: 10.788 ha, chiếm 1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 54% tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của toàn thành phố.

l) *Đất phi nông nghiệp khác*: 56 ha, chiếm 77% tổng diện tích đất phi nông nghiệp khác của toàn thành phố.

1.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng

Năm 2024, thành phố Hải Phòng có 5.320 ha đất chưa sử dụng, chiếm 2% diện tích tự nhiên và 96% tổng diện tích đất chưa sử dụng toàn thành phố. Trong đó:

a) *Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê*: 261 ha, chiếm 4,7% diện tích đất chưa sử dụng và 68% diện tích đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê của toàn thành phố, tập trung chủ yếu tại đặc khu Bạch Long Vĩ, phường Hải An,

b) *Đất bằng chưa sử dụng*: 504 ha, chiếm 9% diện tích đất chưa sử dụng và 86% diện tích đất bằng chưa sử dụng của toàn thành phố;

c) *Đất bằng đồi núi chưa sử dụng*: 150 ha, chiếm 3% diện tích đất chưa sử dụng và 94% diện tích đất bằng chưa sử dụng của toàn thành phố.

d) *Núi đá không có rừng cây*: 533 ha, chiếm 10% diện tích đất chưa sử dụng và 98% diện tích đất núi đá không có rừng cây của toàn thành phố.

đ) *Đất có mặt nước chưa sử dụng*: 3.872 ha, chiếm 70% diện tích đất chưa sử dụng và nằm hoàn toàn trên địa bàn thành phố Hải Phòng cũ.

1.2. Hiện trạng các đối tượng sử dụng, đối tượng được giao quản lý đất

a) Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng được giao để sử dụng

Diện tích đất được giao cho các đối tượng sử dụng của thành phố Hải Phòng (cũ) năm 2024 là 116.491 ha chiếm 37% tổng diện tích đất tự nhiên của toàn thành phố, trong đó:

- Cá nhân trong nước sử dụng 70.246 ha chiếm 28% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

- Cơ quan, đơn vị của nhà nước sử dụng 27.976 ha chiếm 11% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

- Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng 1.073 ha chiếm 0,4% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

- Các tổ chức kinh tế sử dụng 16.205 ha chiếm 6,5% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

- Tổ chức khác 3 ha chiếm cơ cấu rất nhỏ trong tổng diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc sử dụng 260 ha chiếm 0,1% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 283 ha chiếm 0, 1% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

b) Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng được giao để quản lý:

Diện tích đất giao cho các đối tượng để quản lý trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ): 35.146 ha, chiếm 11% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân quản lý phần lớn diện tích đất phân theo đối tượng quản lý với 33.818 ha chiếm 15,91% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý trong đó bao gồm các loại đất giao thông, thủy lợi, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng.

- Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý phần lớn diện tích đất phân theo đối tượng quản lý với 459 ha chiếm 49% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý



- Tổ chức kinh tế quản lý 360 ha chiếm 0,5% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý trong đó chủ yếu đất giao thông, đất thủy lợi, đất sông, suối liên xã trở lên.

- Cộng đồng dân cư quản lý 508 ha chiếm 0,7% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý trong đó chủ yếu đất giao thông, đất thủy lợi, đất sông, suối liên xã trở lên.

2. Tình hình biến động đất đai trong 5 năm (từ 2019 đến 2024)

2.1. Biến động về tổng diện tích tự nhiên

Tính đến ngày 31/12/2024, Hải Phòng (cũ) có tổng diện tích tự nhiên của toàn thành phố là 151.637 ha, giảm 1.015 ha so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019. Sự biến động diện tích tự nhiên được tổng hợp cụ thể như sau:

BẢNG SO SÁNH KẾT QUẢ KIỂM KÊ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN THEO KẾT QUẢ KIỂM KÊ NĂM 2024 VÀ NĂM 2019 CỦA MỘT SỐ LOẠI ĐẤT CHÍNH

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)		Tăng (+)
			2024	2019	Giảm (-)
	Tổng diện tích		151637	152652	-1015
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	80117	81406	-1289
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	42138	43254	-1115
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5645	5593	52
3	Đất lâm nghiệp	LNP	18646	18343	303
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12523	13069	-546
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	129	0	129
6	Đất làm muối	LMU	102	37	65
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	934	1110	-177
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	66200	67818	-1618
1	Đất ở	OTC	16296	15301	995
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	206	196	10
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	2317	2180	136
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1897	1586	311
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	12695	11347	1348
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	20142	17570	2572
7	Đất tôn giáo	TON	319	301	19
8	Đất tín ngưỡng	TIN	173	146	27
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	1311	1173	138
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	10788	17.991	-7203
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	56	27	30
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	5320	3428	1892

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)		Tăng (+)
			2024	2019	Giảm (-)
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	261	0	261
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	504	2567	-2063
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	150	293	-143
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	533	568	-34
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	3872	0	3872

2.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2024 của thành phố Hải Phòng (cũ) là 80.117 ha, giảm 1.286 ha so với năm 2019. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 42.138 ha, giảm 1.115 ha so với năm 2019.
- Đất trồng cây lâu năm: 5.645 ha, tăng 52 ha so với năm 2019.
- Đất lâm nghiệp: 18.646 ha, tăng 303 ha so với năm 2019.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 13.069 ha, giảm 546 ha so với năm 2019.
- Đất chăn nuôi tập trung: 129 ha. Đây là loại đất mới, được tách từ đất nông nghiệp khác được thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai).
- Đất làm muối: 102 ha, tăng 65 ha so với năm 2019.
- Đất nông nghiệp khác: 934 ha, giảm 177 ha so với năm 2019.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2024, thành phố Hải Phòng (cũ) có 66.200 ha đất thuộc nhóm phi nông nghiệp, giảm 1.618 ha so với năm 2019. Chi tiết các loại đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất ở: 16.296 ha, tăng 995 ha so với năm 2019.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 206 ha, tăng 10 ha so với năm 2019.
- Đất quốc phòng, an ninh: 2.317 ha, tăng 136 ha so với năm 2019.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1.897 ha, tăng 311 ha so với năm 2019.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 12.695 ha, tăng 1348 ha so với năm 2019.
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 20.142 ha, tăng 2.572 ha so với năm 2019.
- Đất tôn giáo: 319 ha, tăng 19 ha so với năm 2019.
- Đất tín ngưỡng: 173 ha, tăng 27 ha so với năm 2019.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 1.311 ha, tăng 138 ha so với năm 2019.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 10.788 ha, giảm 7.203 ha so với năm 2019.

- Đất phi nông nghiệp khác: 56 ha, tăng 30 ha so với năm 2019.

2.1.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2024, thành phố Hải Phòng có 5.320 ha đất chưa sử dụng, tăng 1.892 ha so với năm 2019. Trong đó:

a) Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê: 261 ha. Đây là chỉ tiêu mới: Được tổng hợp từ hồ sơ do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai chưa giao, chưa cho thuê sử dụng mà giao Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức phát triển quỹ đất quản lý dụng (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai).

b) Đất bằng chưa sử dụng: 504 ha, giảm 2.063 ha so với năm 2019.

c) Đất bằng đồi núi chưa sử dụng: 150 ha, giảm 143 ha so với năm 2019.

d) Núi đá không có rừng cây: 533 ha, giảm 34 ha so với năm 2019.

đ) Đất có mặt nước chưa sử dụng: 3.872 ha. Đây là loại đất mới, được tách từ đất nông nghiệp khác được thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai).

II. Kết quả thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ)

1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

1.1. Hiện trạng các loại đất sử dụng

1.1.1. Nhóm đất nông nghiệp

Năm 2024, tỉnh Hải Phòng (cũ) có 103.097 ha thuộc nhóm đất nông nghiệp, chiếm 56 % diện tích nhóm đất nông nghiệp của toàn thành phố. Chi tiết các loại đất nông nghiệp như sau:

a) Đất trồng cây hàng năm: 64.005 ha, chiếm 35% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 59% diện tích đất trồng cây hàng năm của toàn thành phố. Trong đó:

- Đất trồng lúa: 56.670 ha, chiếm 31% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 55% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm toàn thành phố. Chi tiết diện tích các loại đất lúa như sau:

+ Đất chuyên trồng lúa 55.112 ha, chiếm 30% diện tích nhóm đất nông nghiệp của toàn thành phố.

+ Đất trồng lúa còn lại 1.371 ha, chiếm 1% diện tích nhóm đất nông nghiệp của toàn thành phố.

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: 4.335 ha, chiếm 2% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 4% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm toàn thành phố. Cây trồng chủ yếu của loại đất này là cây hoa màu các loại phân bố chủ yếu ở các xã ngoại thành thành phố.

b) *Đất trồng cây lâu năm*: 20.383 ha, chiếm 11% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 78% diện tích đất trồng cây lâu năm của toàn thành phố. Cây trồng chủ yếu là cây ăn quả lâu năm (vải, nhãn), vườn tạp được phân bố chủ yếu ở các xã ngoại thành thành phố.

c) *Đất lâm nghiệp*: 9.016 ha, chiếm 5% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 33% diện tích đất lâm nghiệp của toàn thành phố.

c) *Đất nuôi trồng thủy sản*: 12.154 ha, chiếm 7% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 49% diện tích đất nuôi trồng thủy sản của toàn thành phố.

d) *Đất chăn nuôi tập trung*: 92 ha, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong nhóm đất nông nghiệp (khoảng 0,05 %) và chiếm 42% diện tích đất chăn nuôi tập trung của toàn thành phố.

e) *Đất nông nghiệp khác*: 447 ha, chiếm 0,2% diện tích nhóm đất nông nghiệp và bằng 32% diện tích đất nông nghiệp khác của toàn thành phố;

1.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Năm 2024, tỉnh Hải Dương cũ có 63.488 ha đất thuộc nhóm phi nông nghiệp, chiếm 49 % diện tích nhóm đất phi nông nghiệp của toàn thành phố. Chi tiết các loại đất phi nông nghiệp như sau:

a) *Đất ở*: 17.849 ha, chiếm 14% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 52% tổng diện tích đất ở của toàn thành phố. Cụ thể

- Đất ở tại nông thôn 12.231 ha, chiếm 36% diện tích đất ở của toàn thành phố và 55% diện tích đất ở nông thôn của toàn thành phố.

- Đất ở tại đô thị 5.619 ha, chiếm 16% diện tích đất ở của toàn thành phố và 48% diện tích đất ở đô thị của toàn thành phố.

b) *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: 272 ha, chiếm 0,2% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 57% tổng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của toàn thành phố.

c) *Đất quốc phòng, an ninh*: 913 ha, chiếm 0,7% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 28% tổng diện tích đất quốc phòng, an ninh của toàn thành phố. Trong đó:

+ Đất quốc phòng: 667 ha, chiếm 21% diện tích đất quốc phòng, an ninh toàn thành phố.

+ Đất an ninh: 150 ha, chiếm 8% diện tích đất quốc phòng, an ninh toàn thành phố.

d) *Đất xây dựng công trình sự nghiệp*: 1.915 ha, chiếm 1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và bằng 50% tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của toàn thành phố.

đ) *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: 7.313 ha, bằng 6% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 37% tổng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của toàn thành phố.

e) *Đất sử dụng vào mục đích công cộng*: 23.768 ha, bằng 6% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 54% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của toàn thành phố.

g) *Đất tôn giáo*: 339 ha, bằng 0,3% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 52% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích tôn giáo của toàn thành phố.

h) *Đất tín ngưỡng*: 129 ha chiếm 0,1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 43% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích tín ngưỡng của toàn thành phố.

i) *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt*: 1.587 ha, chiếm 1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 55% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt của toàn thành phố.

k) *Đất có mặt nước chuyên dùng*: 9.386 ha, chiếm 1% diện tích nhóm đất phi nông nghiệp và chiếm 46% tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của toàn thành phố.

l) *Đất phi nông nghiệp khác*: 17 ha, chiếm 23% tổng diện tích đất phi nông nghiệp khác của toàn thành phố.

1.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng

Năm 2024, tỉnh Hải Dương cũ có 228 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên và 4% tổng diện tích đất chưa sử dụng toàn thành phố. Trong đó:

a) *Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê*: 124 ha, chiếm 2% diện tích đất chưa sử dụng và 32% diện tích đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê của toàn thành phố.

b) *Đất bằng chưa sử dụng*: 81 ha, chiếm 1% diện tích đất chưa sử dụng và 14% diện tích đất bằng chưa sử dụng của toàn thành phố.

c) *Đất bằng đồi núi chưa sử dụng*: 10 ha, chiếm 0,2% diện tích đất chưa sử dụng và 6% diện tích đất bằng chưa sử dụng của toàn thành phố.

d) *Núi đá không có rừng cây*: 13 ha, chiếm 0,2% diện tích đất chưa sử dụng và 2% diện tích đất núi đá không có rừng cây của toàn thành phố.

1.2. Hiện trạng các đối tượng sử dụng, đối tượng được giao quản lý đất

a) *Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng được giao để sử dụng*

Diện tích đất được giao cho các đối tượng sử dụng của thành phố Hải Phòng (cũ) năm 2024 là 133.223 ha chiếm 42% tổng diện tích đất tự nhiên của toàn thành phố, trong đó:

- Cá nhân trong nước sử dụng 102.643 ha chiếm 41% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.
- Cơ quan, đơn vị của nhà nước sử dụng 12.996 ha chiếm 5% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.
- Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng 8.780 ha chiếm 3% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.
- Các tổ chức kinh tế sử dụng 8.036 ha chiếm 3% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.
- Tổ chức khác 2 ha chiếm cơ cấu rất nhỏ trong tổng diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.
- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc sử dụng 279 ha chiếm 0,1% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.
- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 241 ha chiếm 0,01% diện tích đất theo đối tượng sử dụng của toàn thành phố.

b) Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng được giao để quản lý:

Diện tích đất giao cho các đối tượng để quản lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ): 33.590 ha, chiếm 10% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân quản lý phần lớn diện tích đất phân theo đối tượng quản lý với 31.118 ha chiếm 45% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý trong đó bao gồm các loại đất giao thông, thủy lợi, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối; đất có mặt nước chuyên dùng.
- Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý phần lớn diện tích đất phân theo đối tượng quản lý với 886 ha chiếm 1% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý
- Tổ chức kinh tế quản lý 1252 ha chiếm 0,4% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý;
- Cộng đồng dân cư quản lý 334 ha chiếm 0,5% diện tích đất phân theo đối tượng quản lý.

2. Tình hình biến động đất đai trong 5 năm (từ 2019 đến 2024)

2.1. Biến động về tổng diện tích tự nhiên

Tính đến ngày 31/12/2024, tỉnh Hải Dương (cũ) có tổng diện tích tự nhiên của toàn thành phố là 166.813 ha, giảm 26 ha so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019. Sự biến động diện tích tự nhiên được tổng hợp cụ thể như sau:

BẢNG SO SÁNH KẾT QUẢ KIỂM KÊ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN



**THEO KẾT QUẢ KIỂM KÊ NĂM 2024 VÀ NĂM 2019
CỦA MỘT SỐ LOẠI ĐẤT CHÍNH**

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)		Tăng (+) Giảm (-)
			2024	2019	
	Tổng diện tích		166813	166839	-26
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	103097	105549	-2453
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	61005	63413	-2409
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	20383	20541	-158
3	Đất lâm nghiệp	LNP	9016	9049	-33
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12154	12040	113
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	92	0	92
6	Đất làm muối	LMU	0	0	0
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	447	505	-58
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	63488	61193	2295
1	Đất ở	OTC	17849	17153	697
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	272	267	5
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	913	871	42
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1915	1857	58
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	7313	6306	1007
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	23768	23287	481
7	Đất tôn giáo	TON	339	329	10
8	Đất tín ngưỡng	TIN	129	131	-2
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	1587	1551	36
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	9386	9425	-39
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	17	16	1
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	228	97	131
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	124	0	124
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	81	74	7
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	10	10	0
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	13	13	0
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	0	0	0

2.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2024 của tỉnh Hải Dương (cũ) là 103.097 ha, giảm 2.453 ha so với năm 2019. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 61.005 ha, giảm 2.409 ha so với năm 2019.

- Đất trồng cây lâu năm: 20.383 ha, giảm 158 ha so với năm 2019.

- Đất lâm nghiệp: 9.016 ha, giảm 33 ha so với năm 2019.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 12.154 ha, giảm 113 ha so với năm 2019.
- Đất chăn nuôi tập trung: 92 ha. Đây là loại đất mới, được tách từ đất nông nghiệp khác được thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai).
- Đất nông nghiệp khác: 447 ha, giảm 58 ha so với năm 2019.

2.1.2 Đất phi nông nghiệp

Năm 2024, thành phố Hải Phòng (cũ) có 63.488 ha đất thuộc nhóm phi nông nghiệp, tăng 2.295 ha so với năm 2019. Chi tiết các loại đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất ở: 17.849 ha, tăng 697 ha so với năm 2019.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 272 ha, tăng 5 ha so với năm 2019.
- Đất quốc phòng, an ninh: 913 ha, tăng 42 ha so với năm 2019.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1.915 ha, tăng 58 ha so với năm 2019.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 7.313 ha, tăng 1.007 ha so với năm 2019.
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 23.768 ha, tăng 481 ha so với năm 2019.
- Đất tôn giáo: 129 ha, giảm 2 ha so với năm 2019.
- Đất tín ngưỡng: 1587 ha, tăng 36 ha so với năm 2019.
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 9.386 ha, tăng 36 ha so với năm 2019.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 10.788 ha, giảm 39 ha so với năm 2019.
- Đất phi nông nghiệp khác: 17 ha, tăng 1 ha so với năm 2019.

2.1.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2024, tỉnh Hải Dương cũ có 228 ha đất chưa sử dụng, tăng 97 ha so với năm 2019. Trong đó:

a) Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê: 124 ha. Đây là chỉ tiêu mới: Được tổng hợp từ hồ sơ do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai chưa giao, chưa cho thuê sử dụng mà giao Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức phát triển quỹ đất quản lý dụng (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai).

- b) Đất bằng chưa sử dụng: 81 ha, tăng 7 ha so với năm 2019.
- c) Đất đồi núi chưa sử dụng: 10 ha, không thay đổi so với năm 2019.
- d) Núi đá không có rừng cây: 13 ha, không thay đổi so với năm 2019.



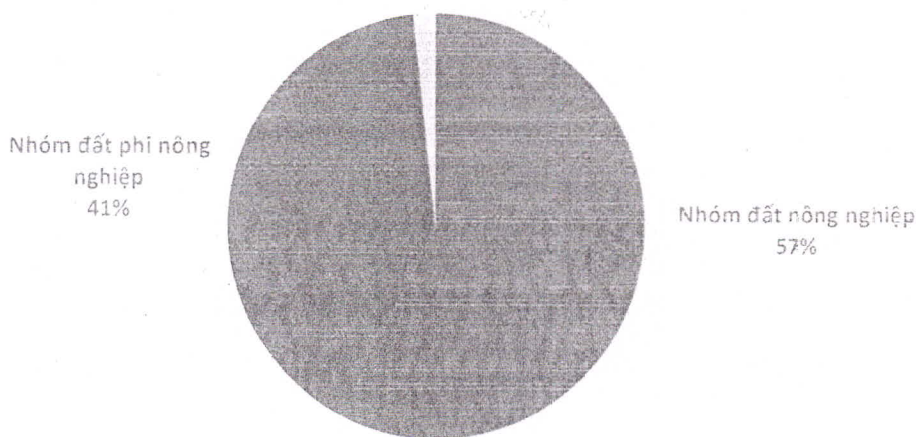
IV. Kết quả thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính

1. Tổng diện tích tự nhiên (tổng quỹ đất)

Năm 2024, tổng diện tích tự nhiên của thành phố Hải Phòng sau khi sáp nhập là 318.449 ha, tương đương 3.184,5 km². Trong đó:

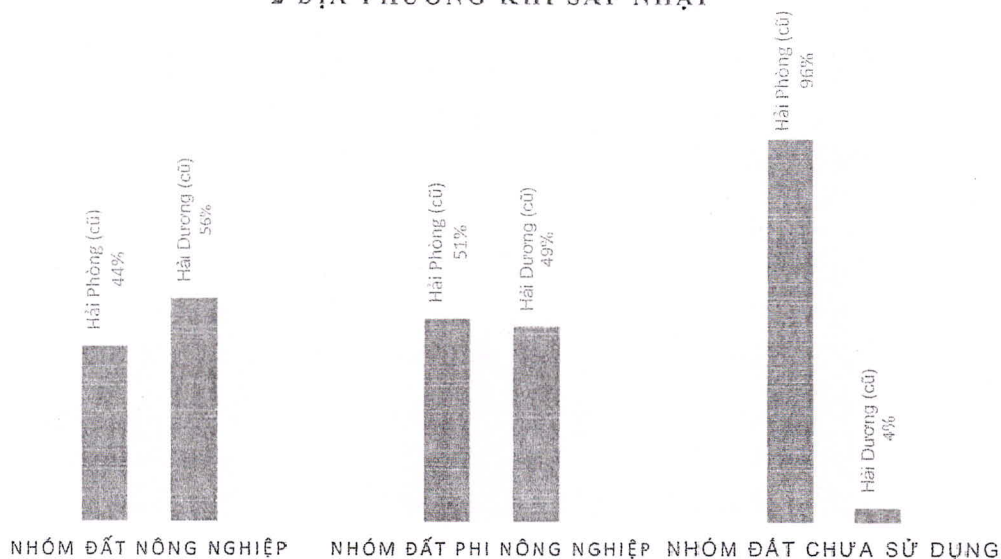
- Nhóm đất nông nghiệp: 183.213 ha, chiếm 57% diện tích tự nhiên.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 129.688 ha, chiếm 41% diện tích tự nhiên.
- Nhóm đất chưa sử dụng: 5.548 ha, chiếm 2% diện tích tự nhiên.

CƠ CẤU CÁC NHÓM ĐẤT CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Diện tích các loại đất được phân bố khá đồng đều giữa 2 địa phương trước khi sáp nhập. Cụ thể:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC NHÓM ĐẤT CHÍNH TẠI 2 ĐỊA PHƯƠNG KHI SÁP NHẬP



(Handwritten signature)

2. Hiện trạng diện tích theo mục đích sử dụng (loại đất)

2.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2024, thành phố Hải Phòng có 183.213 ha thuộc nhóm đất nông nghiệp, chiếm 57 % diện tích tự nhiên của thành phố. Chi tiết các loại đất nông nghiệp như sau:

a) *Đất trồng cây hàng năm*: 103.143 ha, chiếm 32% diện tích tự nhiên và bằng 56% diện tích thuộc nhóm đất nông nghiệp. Trong đó:

- *Đất trồng lúa*: 95.957 ha, chiếm 30% diện tích tự nhiên và bằng 52% diện tích đất nông nghiệp. Chi tiết diện tích các loại đất lúa như sau:

+ Đất chuyên trồng lúa 93.027 ha, chiếm 51% diện tích đất nông nghiệp.

+ Đất trồng lúa còn lại 2.929 ha, chiếm 2% diện tích đất nông nghiệp.

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: 7.186 ha, chiếm 2% diện tích tự nhiên và bằng 4% diện tích đất nông nghiệp. Cây trồng chủ yếu của loại đất này là cây hoa màu các loại phân bố chủ yếu ở các xã ngoại thành thành phố.

b) *Đất trồng cây lâu năm*: 26.028 ha, chiếm 8% diện tích tự nhiên và bằng 14% diện tích đất nông nghiệp. Cây trồng chủ yếu là cây ăn quả lâu năm, vườn tạp được phân bố chủ yếu ở các xã ngoại thành thành phố.

c) *Đất lâm nghiệp*: 27.662 ha, chiếm 9% diện tích tự nhiên và bằng 15% diện tích đất nông nghiệp. Đất lâm nghiệp hiện nay trên địa bàn thành phố tập trung chủ yếu ở đặc khu Cát Hải, phường Thủy Nguyên,.... Diện tích các loại đất lâm nghiệp như sau:

- Đất rừng đặc dụng: 9.980 ha, chiếm 36% diện tích đất lâm nghiệp.

- Đất rừng phòng hộ: 13.942 ha, chiếm 50% diện tích đất lâm nghiệp.

- Đất rừng sản xuất: 3.740 ha, chiếm 14% diện tích đất lâm nghiệp.

d) *Đất nuôi trồng thủy sản*: 24.677 ha, chiếm 8% diện tích tự nhiên và bằng 13% diện tích đất nông nghiệp phân bố ở phường Thủy Nguyên, xã Tiên Lãng, đặc khu Cát Hải, xã Vĩnh Bảo,....

đ) *Đất chăn nuôi tập trung*: 221 ha, chiếm tỷ lệ rất nhỏ (khoảng 0,07%) trong tổng diện tích tự nhiên và bằng 0,1% diện tích đất nông nghiệp.

e) *Đất làm muối*: 102 ha, chiếm 0,05% diện tích đất nông nghiệp phân bố ở đặc khu Cát Hải, phường Nam Đồ Sơn.

g) *Đất nông nghiệp khác*: 1.381 ha, chiếm 0,4% diện tích tự nhiên và bằng 0,7% diện tích đất nông nghiệp.

(Chi tiết tại biểu 01/TKĐĐ, 04/TKĐĐ)

2.2. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp

Thành phố Hải Phòng có 129.688 ha đất thuộc nhóm phi nông nghiệp, chiếm 41% diện tích tự nhiên của thành phố. Chi tiết các loại đất phi nông nghiệp như sau:

a) *Đất ở*: 34.145 ha, chiếm 11% diện tích tự nhiên và bằng 26% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó: đất ở tại nông thôn 22.412ha; đất ở tại đô thị 11.734ha.

b) *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: 478 ha, chiếm 0,2% diện tích tự nhiên và bằng 0,36% diện tích đất phi nông nghiệp.

c) *Đất quốc phòng, an ninh*: 3.230 ha, chiếm 1% diện tích tự nhiên và bằng 4% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Đất quốc phòng: 2.834 ha, chiếm 2% diện tích đất phi nông nghiệp và bằng 87% diện tích đất quốc phòng, an ninh.

- Đất an ninh: 395 ha, chiếm 0,3% diện tích đất phi nông nghiệp và bằng 13% diện tích đất quốc phòng, an ninh.

d) *Đất xây dựng công trình sự nghiệp*: 3.812 ha, chiếm 1% diện tích tự nhiên và bằng 3% diện tích đất phi nông nghiệp.

đ) *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: 20.008 ha, chiếm 6% diện tích tự nhiên và bằng 15% diện tích đất phi nông nghiệp.

e) *Đất sử dụng vào mục đích công cộng*: 43.910 ha, chiếm 14% diện tích tự nhiên và bằng 34% diện tích đất phi nông nghiệp.

g) *Đất tôn giáo*: 658 ha chiếm 0,2% diện tích tự nhiên và bằng 0,5% diện tích đất phi nông nghiệp.

h) *Đất tín ngưỡng*: 302 ha chiếm 0,09% diện tích tự nhiên và bằng 0,1% diện tích đất phi nông nghiệp.

i) *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt*: 2.898 ha, chiếm 1% diện tích tự nhiên và bằng 2% diện tích đất phi nông nghiệp.

k) *Đất có mặt nước chuyên dùng*: 20.174 ha, chiếm 6% diện tích tự nhiên và bằng 16% diện tích đất phi nông nghiệp.

h) *Đất phi nông nghiệp khác*: 73 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên và bằng 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp.

(Chi tiết tại biểu 01/TKĐĐ, 04/TKĐĐ)

2.3. Hiện trạng nhóm đất chưa sử dụng

Năm 2024, thành phố Hải Phòng có 5.548 ha đất chưa sử dụng, chiếm 2% diện tích tự nhiên. Trong đó:

a) Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê: 385 ha, chiếm 7% diện tích đất chưa sử dụng, tập trung chủ yếu tại đặc khu Bạch Long Vĩ, phường Hải An,....

b) Đất bằng chưa sử dụng: 585 ha, chiếm 11% diện tích đất chưa sử dụng, tập trung chủ yếu tại đặc khu Bạch Long Vĩ, phường Hải An,....

c) Đất bằng đồi núi chưa sử dụng: 160 ha, chiếm 3% diện tích đất chưa sử dụng, tập trung chủ yếu tại đặc khu Bạch Long Vĩ, phường Hải An,....

d) Núi đá không có rừng cây: 546 ha, chiếm 10% diện tích đất chưa sử dụng, tập trung chủ yếu tại đặc khu Bạch Long Vĩ, phường Hải An,....

đ) Đất có mặt nước chưa sử dụng: 3.872 ha, chiếm 70% diện tích đất chưa sử dụng, tập trung chủ yếu tại đặc khu Bạch Long Vĩ, phường Hải An,....

(Chi tiết tại biểu 01/TKĐĐ, 04/TKĐĐ)

3. Tình hình biến động đất đai trong 5 năm (từ 2019 đến 2024)

3.1. Biến động về tổng diện tích tự nhiên

Tính đến ngày 31/12/2024, thành phố Hải Phòng có tổng diện tích tự nhiên của toàn thành phố là 318.449 ha, giảm 1.041 ha so với kết quả kiểm kê đất đai năm 2019. Sự biến động diện tích tự nhiên được tổng hợp cụ thể như sau:

BẢNG SO SÁNH KẾT QUẢ KIỂM KÊ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN THEO KẾT QUẢ KIỂM KÊ NĂM 2024 VÀ NĂM 2019 CỦA MỘT SỐ LOẠI ĐẤT CHÍNH

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)		
			2024	2019	Tăng (+) Giảm (-)
	Tổng diện tích		318449	319491	-1041
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	183213	186955	-3742
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	103143	106667	-3524
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	26028	26134	-106
3	Đất lâm nghiệp	LNP	27662	27393	269
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	24677	25110	-433
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	221	0	221
6	Đất làm muối	LMU	102	37	65
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	1381	1615	-235
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	129688	129011	677
1	Đất ở	OTC	34145	32454	1692
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	478	196	282
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	3230	2180	1049
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	3812	3443	369
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	20008	17653	2355
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	43910	40857	3053
7	Đất tôn giáo	TON	658	630	28

B

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)		
			2024	2019	Tăng (+) Giảm (-)
8	Đất tín ngưỡng	TIN	302	277	25
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	2898	2725	173
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	20174	27416	-7242
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	73	43	31
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	5548	3525	2023
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	385	0	385
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	585	2641	-2056
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	160	303	-143
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	546	581	-34
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	3872	0	3872

3.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2024 của thành phố Hải Phòng là 183.213 ha, giảm 3.742 ha so với năm 2019. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 103.143 ha, giảm 3.524 ha so với năm 2019.
- Đất trồng cây lâu năm: 26.028 ha, giảm 106 ha so với năm 2019.
- Đất lâm nghiệp: 27.662 ha, tăng 269 ha so với năm 2019.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 24.677 ha, giảm 433 ha so với năm 2019.
- Đất chăn nuôi tập trung: 221 ha. Đây là loại đất mới, được tách từ đất nông nghiệp khác được thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai).
- Đất làm muối: 102 ha, tăng 65 ha so với năm 2019.
- Đất nông nghiệp khác: 1.381 ha, giảm 235 ha so với năm 2019.

3.1.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2024, thành phố Hải Phòng có 129.688 ha đất thuộc nhóm phi nông nghiệp, tăng 677 ha so với năm 2019. Chi tiết các loại đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất ở: 34.145 ha, tăng 1.692 ha so với năm 2019.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 478 ha, tăng 282 ha so với năm 2019.
- Đất quốc phòng, an ninh: 3.230 ha, tăng 1.049 ha so với năm 2019.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 3.812 ha, tăng 369 ha so với năm 2019.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 20.008 ha, tăng 2.355 ha so với năm 2019.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 43.910 ha, tăng 3.053 ha so với năm 2019.

- Đất tôn giáo: 658 ha, tăng 28 ha so với năm 2019.

- Đất tín ngưỡng: 302 ha, tăng 25 ha so với năm 2019.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 2.898 ha, tăng 173 ha so với năm 2019.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 20.174 ha, giảm 7.242 ha so với năm 2019.

- Đất phi nông nghiệp khác: 73 ha, tăng 31 ha so với năm 2019.

3.1.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2024, thành phố Hải Phòng có 5.548 ha đất chưa sử dụng, tăng 2.023 ha so với năm 2019. Trong đó:

a) Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao chưa cho thuê: 385 ha. Đây là chỉ tiêu mới: Được tổng hợp từ hồ sơ do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai chưa giao, chưa cho thuê sử dụng mà giao Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức phát triển quỹ đất quản lý dụng (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai).

b) Đất bằng chưa sử dụng: 585 ha, giảm 2.056 ha so với năm 2019.

c) Đất bằng đồi núi chưa sử dụng: 160 ha, giảm 143 ha so với năm 2019.

d) Núi đá không có rừng cây: 546 ha, giảm 34 ha so với năm 2019.

đ) Đất có mặt nước chưa sử dụng: 3.872 ha. Đây là loại đất mới, được tách từ đất nông nghiệp khác được thực hiện trong quá trình điều tra, rà soát trong kỳ kiểm kê đất đai.

4. Kết quả kiểm kê chuyên đề

Thành phố Hải Phòng mới không có các nội dung kiểm kê chuyên đề liên quan đến đất của các công ty nông, lâm nghiệp có nguồn gốc từ nông, lâm trường và đất khu vực sạt lở, bồi đắp.

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2024

1. Về tình hình thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024

Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố Hải Phòng sau quá trình thực hiện đã hoàn thành và thu được kết quả tốt, đạt yêu cầu về các nội dung cơ bản của Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024; Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”. Kế hoạch, chương trình

và nội dung công tác của Ban chỉ đạo thành phố và quận, huyện đề ra đạt yêu cầu về mặt thời gian, khối lượng công việc và chất lượng chuyên môn. Qua công tác này, Ủy ban nhân dân các cấp nắm được chính xác diện tích quỹ đất hiện có, cơ cấu và sự phân bố của từng loại đất theo mục đích sử dụng. Tình hình sử dụng đất của các tổ chức, cơ quan đang đóng trên địa bàn, kết quả cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phạm vi quản lý.

Từ kết quả này, giúp Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã nắm chắc và toàn diện hơn các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai thời gian qua, có đầy đủ tài liệu cơ bản để làm nền tảng cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Từng bước nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai, nhanh chóng đưa Luật Đất đai năm 2024 đi vào cuộc sống tại địa phương. Qua đó, Ủy ban nhân dân các cấp rút ra một số ưu điểm và hạn chế như sau:

1.1. Tích cực

- Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quan tâm chỉ đạo sâu sát và đề ra kế hoạch đúng với tình hình địa phương nên trong quá trình triển khai thực hiện không phát sinh các vấn đề khó khăn phức tạp.

- Tiến độ thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp xã, cấp huyện đảm bảo thời gian, khối lượng và chất lượng chuyên môn, tạo tiền đề cơ bản cho thành phố thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 đạt kết quả tốt, đảm bảo theo đúng các quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thực hiện ở cấp xã, cấp thành phố đã phản ánh trung thực, khách quan và đạt độ tin cậy cao theo hệ thống chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai của Luật Đất đai năm 2024 quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Trong quá trình thực hiện đã bám sát theo phương án được phê duyệt, các nội dung yêu cầu cơ bản của Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024; công tác tổ chức được thực hiện nghiêm túc, báo cáo đầy đủ, rõ ràng và sát với tình hình thực tế.

- Công tác chuẩn bị, lập phương án, kế hoạch, tài liệu phục vụ cho yêu cầu công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 được cung cấp kịp thời, đáp ứng đầy đủ, có độ chính xác cao tạo điều kiện tốt nhất cho cấp huyện và xã triển khai thực hiện.

- Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024, tổng hợp số liệu và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đều sử dụng công nghệ tin học để xử lý và biên tập. Kết quả nhận được có độ tin cậy cao và đồng bộ. Đây là kết

quả chuẩn bị lâu dài của địa phương, nâng cao dần chất lượng của công tác quản lý và các công nghệ mới đã được đưa vào vận hành có hiệu quả.

1.2. Hạn chế

- Đội ngũ cán bộ của cấp xã trình độ chuyên môn không đồng đều.
- Một số đơn vị, tổ chức có liên quan khi phối hợp thực hiện tinh thần trách nhiệm chưa cao.
- Hồ sơ địa chính quản lý ở các cấp thiếu tập trung và không thống nhất. Việc tổ chức bảo quản, sử dụng hồ sơ địa chính ở cấp xã còn nhiều bất cập.
- Công tác cập nhật biến động hồ sơ địa chính chưa thực hiện thường xuyên và kịp thời nên khi thực hiện kiểm kê gặp rất nhiều khó khăn đối với công tác điều tra hiện trạng sử dụng đất, khoanh vẽ bản đồ do các biến động chưa được cập nhật. Một số số liệu, tài liệu do không được cập nhật chặt chẽ, thiếu đồng bộ, nên quá trình thu thập phải xử lý rất khó khăn.
- Công tác thống kê đất đai hàng năm của cấp xã làm chưa tốt, thiếu tính trung thực và kịp thời; một số nơi còn thực hiện mang tính chất đối phó.

1.3. Nguyên nhân:

Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp (gồm cấp thành phố và cấp xã) và sáp nhập thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải Dương cũ nhất làm thay đổi toàn bộ bộ máy và vị trí làm việc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị hành chính mới. Với tinh thần chủ động, “vừa chạy vừa xếp hàng” cán bộ phụ trách nhiệm vụ kiểm kê cũng đã khẩn trương cố gắng hoàn thành nhiệm vụ kiểm kê cấp xã sau khi sáp nhập theo đúng tiến độ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề ra. Tuy nhiên do phần lớn các xã đều là cán bộ mới tiếp cận lại nhiệm vụ kiểm kê đất đai nên cần thời gian nắm bắt lại địa bàn cũng như công việc chuyên môn. Điều này gây áp lực rất lớn đến Ủy ban nhân dân cấp xã cũng như Sở Nông nghiệp và Môi trường nhằm đáp ứng tiến độ khi thực hiện công tác tổng hợp lại số liệu kiểm kê diện tích đất đai sau sáp nhập.

Ngoài ra, do việc thực hiện kiểm kê sau sáp nhập được tiến hành ngay sau khi triển khai mô hình chính quyền 2 cấp và sáp nhập tỉnh nhưng địa giới hành chính cấp xã chưa được lập và chuẩn hoá theo quy định, điều này khiến Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Nông nghiệp và Môi trường còn lúng túng khi xác định ranh giới của các đơn vị hành chính cấp xã sau sáp nhập, phải sử dụng tạm thời bản đồ phương án chia tách theo hướng dẫn của Sở Nội vụ để thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

2. Tình hình quản lý, sử dụng đất

2.1. Những mặt được

Kết quả kiểm kê đất đai phản ánh một số nét nổi bật của công tác quản lý, sử dụng đất đai trong 5 năm qua như sau:

- Cơ cấu sử dụng giữa các loại đất nông nghiệp có sự thay đổi tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cao; nhất là việc chuyển một phần diện tích đất trồng lúa sang trồng các cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản, chuyển đất cây hàng năm sang đất trồng cây công nghiệp lâu năm; chuyển đất rừng trồng sang trồng cây lâu năm.

- Sự gia tăng đất phi nông nghiệp trong 5 năm qua, nhất là các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất ở, thể hiện sự nỗ lực cố gắng rất lớn của các địa phương trong việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao đất, cho thuê đất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo đảm cho phát triển kinh tế, xã hội ổn định, bền vững; nâng cao đời sống nhân dân, rút ngắn được khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cho thấy đất lâm nghiệp của cả nước tăng so với năm 2019 cho thấy thành phố đã và đang coi trọng đúng về về môi trường, giúp giữ đất, nước và điều hòa không khí.

- Các địa phương đã cơ bản hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận đối với các loại đất chính; nhiều địa phương đã xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai, phục vụ tích cực, hiệu quả cho thực hiện các nhiệm vụ quản lý đất đai ở các cấp, trong đó có công tác thống kê, kiểm kê đất đai.

2.2. Những hạn chế, bất cập

Bên cạnh những ưu điểm trên đây, kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 cũng phản ánh một số bất cập trong quản lý, sử dụng đất:

Bên cạnh những ưu điểm trên đây, kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 cũng phản ánh một số bất cập trong quản lý, sử dụng đất:

a) Bất cập trong sử dụng đất

Việc sử dụng đất vào các mục đích văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội của các tổ chức ngoài công lập còn chưa nhiều thể hiện việc xã hội hóa trong các hoạt động dịch vụ công cộng trong 5 năm qua còn hạn chế.

b) Bất cập trong quản lý đất đai

Hệ thống hồ sơ địa chính của nhiều địa phương vẫn chưa được lập đầy đủ; nhiều nơi đã đo đạc lại để lập bản đồ địa chính nhưng chưa lập lại sổ sách địa chính và cấp đổi lại giấy chứng nhận; việc chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính chưa được thực hiện đầy đủ, thường xuyên theo quy định. Sự hạn chế này không chỉ khó khăn cho quản lý đất đai mà còn ảnh hưởng đến việc thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ.

TR

PHẦN IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất đai nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, thực hiện một số giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai như sau:

- Tăng cường hướng dẫn việc thi hành Luật Đất đai của các địa phương và kiểm tra, tập huấn để khắc phục những tồn tại, yếu kém trong quản lý, sử dụng đất đai đã phát hiện; thực hiện công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Quản lý đất đai về các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai; thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai.

- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hàng năm về tình hình thi hành Luật Đất đai của các địa phương và tình hình quản lý, sử dụng đất của các dự án, công trình lớn do Quốc hội quyết định đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư như các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các công trình thủy điện, thủy lợi, sân golf.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024; kính trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường. /

(Gửi kèm theo các biểu số liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: NNMT, XDCT, NVKTGS;
- Lưu: VT, P.T. Đức.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

